

Đương Số: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: **Đinh Tỵ** - Thai Nguyên: **Đinh Mùi**

Thân Vượng: **Thổ 38/50**

Dụng Thần: **Mộc > Thủy > Hỏa**

<b>Trụ Năm 2003</b> Tài <b>QUÝ</b> MÙI Dương KỶ ẤT Mộ Kiếp Quan Đinh Suy Q.Đới Suy	<b>Trụ Tháng 04</b> Kiêu Q.Đới <b>BÍNH</b> THÌN Q.Đới Mậu Ất Quý Tỵ Quan Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	<b>Trụ Ngày 25</b> <b>Thân</b> TỶ Q.Đới <b>MẬU</b> THÌN Q.Đới Mậu Ất Quý Tỵ Quan Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	<b>Trụ Giờ 16:01</b> Thực Dưỡng <b>CANH</b> THÂN L.Quan Canh Mậu Nhâm Thực Tỵ T.Tài Dưỡng Q.Đới Mộ
Suy Thiên Ất QN Hoa Cái Kim Dư Đức Quý Nhân	Quan Đới Hoa Cái Cầu Giáp Lộc Quả Tú Hồng Diễm	Quan Đới Hoa Cái Cầu Giáp Lộc Quả Tú Hồng Diễm Đức Quý Nhân	Bệnh Văn Xương Kiếp Sát Hồng Diễm Cô Thần Thái Cực Âm Lộc Quốc Ấn Phúc Tinh Hồng Loan
<b>Đại Vận 0 (0 - 5 tuổi)</b> Kiêu Q.Đới <b>BÍNH</b> THÌN Q.Đới Mậu Ất Quý Tỵ Quan Tài Q.Đới Q.Đới Dưỡng	<b>Đại Vận 1 (6 - 15 tuổi)</b> Quan L.Quan <b>ÁT</b> MÃO L.Quan Ất Quan	<b>Đại Vận 2 (16 - 25 tuổi)</b> Sát L.Quan <b>GIÁP</b> DẦN L.Quan Giáp Bính Mậu Sát Kiêu Tỵ L.Quan T.Sinh T.Sinh	<b>Đại Vận 3 (26 - 35 tuổi)</b> Tài Q.Đới <b>QUÝ</b> SỬU Q.Đới KỶ Tân Quý Kiếp Thương Tài Mộ Dưỡng Q.Đới
<b>Đại Vận 4 (36 - 45 tuổi)</b> T.Tài L.Quan <b>NHÂM</b> TỶ Đ.Vượng Quý Tài	<b>Đại Vận 5 (46 - 55 tuổi)</b> Thương M.Dục <b>TÂN</b> HỢI M.Dục Giáp Nhâm Sát T.Tài T.Sinh L.Quan	<b>Đại Vận 6 (56 - 65 tuổi)</b> Thực Tân <b>CANH</b> TUẤT Suy Mậu Đinh Tân Tỵ Ấn Thương Mộ Dưỡng Q.Đới	<b>Đại Vận 7 (66 - 75 tuổi)</b> Kiếp T.Sinh <b>KỶ</b> DẬU T.Sinh Tân Thương L.Quan
<b>Đại Vận 8 (76 - 85 tuổi)</b> Tỵ L.Quan <b>MẬU</b> THÂN Bệnh Canh Mậu Nhâm Thực Tỵ T.Tài L.Quan Bệnh T.Sinh	<b>Đại Vận 9 (86 - 95 tuổi)</b> Ấn Q.Đới <b>ĐINH</b> MÙI Q.Đới KỶ Ất Đinh Kiếp Quan Ấn Q.Đới Dưỡng Q.Đới	<b>Đại Vận 10 (96 - 105 tuổi)</b> Kiêu L.Quan <b>BÍNH</b> NGỌ Đ.Vượng Đinh KỶ Ấn Kiếp L.Quan L.Quan	<b>Đại Vận 11 (106 - 115 tuổi)</b> Quan M.Dục <b>ÁT</b> TỶ M.Dục Bính Mậu Canh Kiêu Tỵ Thực L.Quan L.Quan T.Sinh

Tài 2003 1 tuổi <b>QUÝ</b> MÙI Mộ	Sát 2004 2 tuổi <b>GIÁP</b> THÂN Tuyệt	Quan 2005 3 tuổi <b>ÁT</b> DẬU Tuyệt	Kiêu 2006 4 tuổi <b>BÍNH</b> TUẤT Mộ	Ấn 2007 5 tuổi <b>ĐINH</b> HỢI Thai
Tỵ 2008 6 tuổi <b>MẬU</b> TỶ Thai	⚡Kiếp 2009 7 tuổi <b>KỶ</b> SỬU Mộ	Thực 2010 8 tuổi <b>CANH</b> DẦN Tuyệt	Thương 2011 9 tuổi <b>TÂN</b> MÃO Tuyệt	T.Tài 2012 10 tuổi <b>NHÂM</b> THÌN Mộ
Tài 2013 11 tuổi <b>QUÝ</b> TỶ Thai	Sát 2014 12 tuổi <b>GIÁP</b> NGỌ Tử	Quan 2015 13 tuổi <b>ÁT</b> MÙI Dưỡng	Kiêu 2016 14 tuổi <b>BÍNH</b> THÂN Bệnh	Ấn 2017 15 tuổi <b>ĐINH</b> DẬU T.Sinh
Tỵ 2018 16 tuổi <b>MẬU</b> TUẤT Mộ	Kiếp 2019 17 tuổi <b>KỶ</b> HỢI Thai	Thực 2020 18 tuổi <b>CANH</b> TỶ Tử	Thương 2021 19 tuổi <b>TÂN</b> SỬU Dưỡng	T.Tài 2022 20 tuổi <b>NHÂM</b> DẦN Bệnh
Tài 2023 21 tuổi <b>QUÝ</b> MÃO T.Sinh	Sát 2024 22 tuổi <b>GIÁP</b> THÌN Suy	Quan 2025 23 tuổi <b>ÁT</b> TỶ M.Dục	Kiêu 2026 24 tuổi <b>BÍNH</b> NGỌ Đ.Vượng	Ấn 2027 25 tuổi <b>ĐINH</b> MÙI Q.Đới
Tỵ 2028 26 tuổi <b>MẬU</b> THÂN Bệnh	Kiếp 2029 27 tuổi <b>KỶ</b> DẬU T.Sinh	Thực 2030 28 tuổi <b>CANH</b> TUẤT Suy	Thương 2031 29 tuổi <b>TÂN</b> HỢI M.Dục	T.Tài 2032 30 tuổi <b>NHÂM</b> TỶ Đ.Vượng
Tài 2033 31 tuổi <b>QUÝ</b> SỬU Q.Đới	Sát 2034 32 tuổi <b>GIÁP</b> DẦN L.Quan	Quan 2035 33 tuổi <b>ÁT</b> MÃO L.Quan	Kiêu 2036 34 tuổi <b>BÍNH</b> THÌN Q.Đới	Ấn 2037 35 tuổi <b>ĐINH</b> TỶ Đ.Vượng
Tỵ 2038 36 tuổi <b>MẬU</b> NGỌ Đ.Vượng	Kiếp 2039 37 tuổi <b>KỶ</b> MÙI Q.Đới	Thực 2040 38 tuổi <b>CANH</b> THÂN L.Quan	Thương 2041 39 tuổi <b>TÂN</b> DẬU L.Quan	⚡T.Tài 2042 40 tuổi <b>NHÂM</b> TUẤT Q.Đới
Tài 2043 41 tuổi <b>QUÝ</b> HỢI Đ.Vượng	Sát 2044 42 tuổi <b>GIÁP</b> TỶ M.Dục	Quan 2045 43 tuổi <b>ÁT</b> SỬU Suy	⚡Kiêu 2046 44 tuổi <b>BÍNH</b> DẦN T.Sinh	Ấn 2047 45 tuổi <b>ĐINH</b> MÃO Bệnh
Tỵ 2048 46 tuổi <b>MẬU</b> THÌN Q.Đới	Kiếp 2049 47 tuổi <b>KỶ</b> TỶ Đ.Vượng	Thực 2050 48 tuổi <b>CANH</b> NGỌ M.Dục	Thương 2051 49 tuổi <b>TÂN</b> MÙI Suy	T.Tài 2052 50 tuổi <b>NHÂM</b> THÂN T.Sinh

I ai QUÝ	2053 DẬU	51 tuổi Bệnh	7 Sát GIÁP	2054 TUẤT	52 tuổi Dưỡng	Quan ẮT	2055 HỢI	53 tuổi Tử	Kiểu BÍNH	2056 TÝ	54 tuổi Thai	An ĐÌNH	2057 SỬU	55 tuổi Mộ
Tỷ MẬU	2058 DẦN	56 tuổi T.Sinh	Kiếp KỶ	2059 MÃO	57 tuổi Bệnh	Thực CANH	2060 THÌN	58 tuổi Dưỡng	Thương TÂN	2061 TÝ	59 tuổi Tử	T.Tài NHÂM	2062 NGỌ	60 tuổi Thai

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hệ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem **nội quy** trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!  
Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Mậu Thổ** gặp địa chi trụ năm **Mùi Thổ** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Mậu Thổ** gặp địa chi trụ tháng **Thìn Thổ** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Mậu Thổ** gặp địa chi trụ ngày **Thìn Thổ** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Mậu Thổ** gặp địa chi trụ giờ Thân Kim được Thông căn Mộ \*.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 9/10

### Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Quý** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Bính** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Mậu** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Canh** sinh tháng **Thìn** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

**Thai nguyên: Đinh Mùi** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tứ: Quý Dậu** (Thai tứ là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Đinh Mùi và Quý Dậu này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy**, gặp cung mệnh **Đinh Tỵ** nạp âm là **Thổ** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Anh ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ năm **Quý Mùi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ tháng **Bính Thìn** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ ngày **Mậu Thìn** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy**, gặp trụ giờ Canh Thân nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Quý Mùi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Bính Thìn** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Mậu Thìn** là **Thổ Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Canh Thân là Kim Kim bình hòa.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Mậu Thìn và Quý Mùi này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Thìn Thìn này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Thìn Thân này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

### Thân Vượng: Thổ 38/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Thổ** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **38/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán

khác về thân vượng nhược mà ở đây **22/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Thổ**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, do đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Thổ** thì dụng thần nên là **Mộc** để khắc bớt **Thổ**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần:** **Mộc** (ưu tiên nhất) **Thủy** (ưu tiên nhì) **Hỏa** (ưu tiên ba)

### Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là Thủy (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rửa, nước chảy, cày khô, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 3)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Hỏa**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### **Gợi ý chọn dụng thần**

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### **Thiên khắc địa xung**

Trụ Năm **Quý Mùi** bị **Kỷ Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Sửu**.  
Trụ Tháng **Bính Thìn** bị **Nhâm Tuất** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Nhâm Tuất**.

Trụ Ngày **Mậu Thìn** bị **Giáp Tuất** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Tuất**.

Trụ Giờ **Canh Thân** bị **Bính Dần** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Dần**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



**Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:**

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	T thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cổ kết	Lưu Động, Không

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	ngũng Thủy
----------	-----	-----	-----	-----	---------------

# Bình Giải Chung

## Tổng Quan Người Thuộc Thổ

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Thổ có nước da hơi vàng đen, bụng tròn lớn, lưng rộng, rốn sâu, cổ ngắn, mắt dài, bàn chân nhiều thịt, chân mày rậm; tướng thịt nhiều nhưng không quá béo; đầu vuông, mũi cao dày, cằm hơi vuông và hơi triều lên; răng nhọn, tay nhọn, lưỡng quyền cao; đi đứng vững vàng, tiếng nói trầm có âm hậu.

Nhìn chung, người thuộc Thổ hợp với vùng giữa hoặc có thể thích ứng với tất cả các phương. Người thuộc Thổ về nghề nghiệp cũng có thể thích hợp với nhiều ngành, nhiều nghề của tất cả những người thuộc hành khác. Tuy nhiên, người thuộc Thổ thường không được nổi trội thật đặc biệt trong nghề nghiệp như những người thuộc hành khác.

## Quý Anh Người Thuộc Thổ Vượng

Người mà Thổ vượng thì thất lưng tròn, mũi nở, lông mày thanh tú, mắt đẹp, nói năng lưu loát và tiếng nói âm vang. Người thổ vượng thường là người độ lượng, trung tín, chân thành và hành động rất chắc chắn, có kết quả. Người mà Thổ quá vượng, quá mạnh thì đầu óc cứng nhắc, chậm hiểu biết, tính tình hướng nội, sống trầm lặng và khá bảo thủ. Tuy nhiên, nếu người thuộc Thổ mà quá vượng thì thường hay mắc các bệnh về lá lách, dạ dày, hoặc vùng bụng, lưng, ngực, phổi...

## Cung Mệnh ở Tỵ sao Thiên văn

Quý Anh văn chương phát đạt, nữ hôn nhân đẹp.

## Trụ năm của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

## Trụ tháng của Quý Anh có Thiên Ấn

Trụ tháng có Thiên ấn (Kiêu): Nếu bốn can có sao tài, ngày chủ vượng là mệnh hạnh phúc. Trường hợp gặp quan sát thì đa thành, đa bại. Nếu có Thiên đức hoặc Nguyệt đức cùng trụ thì tính ôn hòa, mệnh đẹp. Trường hợp bốn can có thực thần thì bị bề trên câu thúc không phát triển, phát huy hết khả năng được.

## Trụ ngày của Quý Anh có Tỷ Kiên

Trụ ngày gặp tỷ kiên (tỉ) thì hôn nhân muộn, hoặc tái hôn, nếu mang dương nhấn thì nữ khắc chồng, nam khắc vợ. Nếu gặp xung thì đi xa không lợi, chết nơi đất khách quê người. Nói chung thì tính người bạn đời thường cố chấp, bảo thủ.

## Trụ giờ của Quý Anh có Thực Thần

Trụ giờ có thực thần (thực) thì con cái hòa thuận, không lo kế sinh nhai. Có tài ăn nói, thích hưởng thụ. Nếu tọa kiến lộc, vượng địa thì con cái tất phát đạt. Nếu tọa thiên ấn (kiêu) thì con gái khó lấy chồng, con trai lắm bệnh tật.

## Tứ trụ của Quý Anh có quá nhiều Chánh Quan

Chính quan quá nhiều trong tứ trụ thì có sự khắc chế trở ngại trở thành nhu nhược, năng lực yếu. Mặt khác báo việc gia đình không đầy đủ, tiền đồ học hành có cản trở, nếu không có ấn mạnh hoá giải cứu trợ thì không hay. Chính quan không nên gặp Thương quan, vì họa có thể đến. Nhưng có trường hợp Chính quan nhiều mà gặp Thương quan thì lại hay.

## Trong tứ trụ có 2 Thìn

Trụ có 2 Thìn nên coi chừng hạn năm Thìn vào tháng Thìn ngày Tuất hay hướng Tuất để bị nguy hiểm vì trụ có đủ cách tam hình.

## Trong tứ trụ Quý Anh có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên Trù

Thiên trù quý nhân: Được ơn huệ chu cấp quần áo lương thực, một đời không phải lo nghĩ.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

### Tứ Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

### Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

### Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

### Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang dờn chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ả, ả, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

### Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

### Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Cầu (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cầu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cầu. Cầu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hình phạt. Ngày tuế vận gặp cầu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.



## Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn**

**Trụ năm gặp chính ấn**

Trụ năm Quý Anh gặp chính ấn là cha mẹ hiền lành, hay là điều thiện.

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỷ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.**

**Chính ấn đóng ở hoa cái là cha mẹ thông minh.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.**

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ

kiếp khác cha.

Trong Tứ trụ Quý Anh đều có kiêu thần, thực thần là tượng khắc mẹ.

Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ấn là ba đời giàu sang.

Trụ năm, có tài quan tương trợ lẫn nhau thì được hưởng hạnh phúc của ông cha.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lia bỏ quê hương.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lên đênh.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Trong Tứ trụ gặp cả kiêu thần, thực thần thì người đó nghèo xơ xác.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

---

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trụ ngày Quý Anh yếu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ấn để tính số lượng anh em.

Mệnh Quý Anh gặp hoa cái là anh em ít.

Trụ ngày Quý Anh vượng, tỉ kiếp nhiều là anh em bất hoà hoặc gia đình chia lìa.

## Gia Đạo Tình Duyên

---

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Quý Mùi** hợp với Nữ tuổi **Giáp Thân - Ất Dậu - Giáp Ngọ** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Quý Anh có Tỉ trước tài là nghèo trước giàu sau.

Quý Anh có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Nam hoặc nữ gặp ngang vai nhiều thì hôn nhân muộn. .

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Chi ngày Quý Anh là thìn tuất Sửu Mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Anh lấy vợ làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Sao thê mắt lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Quý Anh có Ngang vai hợp với chính tài là vợ đoan trang nghiêm túc.

Quý Anh có Tài tinh gặp tỉ kiếp lại không được cứu trợ thì đề phòng vợ gặp tai ương mà chết.

Quý Anh có Tỉ kiếp, nguyệt kiến vượng là tuổi trẻ đã chết vợ.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Cửa của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Trong trụ Quý Anh gặp đất hợp tài là cơ nghiệp bền vững.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào ấn thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trợ phú.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng  
Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp  
Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.  
Quý Anh có Tài nhiều gặp tử kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.  
Trong Tứ trụ Quý Anh kiêu thần mừng nhất gặp tài tinh, khi thân vượng gặp được là phát phúc.  
Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.  
Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.  
Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.  
Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.  
Quý Anh Trước tử, sau tài là trước nghèo sau giàu.  
Quan tinh Quý Anh là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.  
Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.  
Quý Anh có 1 Tài lộ 2 Tài ẩn  
Quý Anh có Thực thần mà đến những năm đại vận và lưu niên nếu gặp Tỷ là tài vật hao tán.  
Kiêu thần mừng nhất gặp những năm vận có Tài tinh, Quý Anh thân vượng gặp được là phúc.  
Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tử kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.  
Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tử và kiếp.

## Quan Vận

---

Quan Ấn Quý Anh ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.  
Quý Anh có Hoa Cái và Ấn tinh củng hội, là bậc lương thần như Quản Trọng.  
Quý Anh Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.  
Quý Anh có Quan Ấn không có Nhãn không có Sát, quan vị thanh cao.  
Năm Quý Anh có Chính Ấn, tháng có Chính Quan, nhậm chức giáo dục.  
Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.  
Quý Anh có Tài Quan Ấn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.  
Quý Anh có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.  
Trụ năm Quý Anh có Ấn thụ phúc vô cùng, thụ ơn tập ấm lập công danh.  
Quý Anh Có Ấn không có Sát thiếu uy phong.  
Ấn Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.  
Quý Anh Tàng Ấn lộ Tài tự thân vượng, công danh hiển vinh.  
Năm gặp Quan quý, tài cao, tuổi trẻ thành danh (Thân vượng).

## Nghề Nghiệp

---

Quý Anh có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.  
Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế

toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Trụ Quý Anh có Thiên Ân (Kiêu), rất nhạy cảm với sự việc, cho nên hợp mấy nghề điều tra, trinh sát, tình báo, và cũng hợp những nghề không chính thống như nghệ nhân, mở quán, minh tinh, hoặc những nghề làm ăn dựa vào nhân duyên.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Quý Anh có Thực Thần sinh Tài, lợi kinh doanh được phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

**Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

**Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Mộc**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

**Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa**

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hỏa khắc canh kim, giờ ngọ hỏa ở vượng địa, là lộc của đĩnh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Trụ giờ Quý Anh được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Thực thần đóng ở trụ giờ là con cái béo khỏe, đẹp.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Trong Tứ trụ Quý Anh có 3 chữ mộc là lúc sinh nghe thấy những điều kinh ngạc, hoặc sinh ở nhà dưới, hoặc sinh ở vùng nông thôn, sơn trại.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra năm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con

traí.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Trong trụ Quý Anh gặp cả thực lẫn kiều là không có lợi cho con cái, nếu không tuyệt tự thì đưa con cũng thấp bé, gầy yếu.

Thực gặp kiều là trẻ con gặp phải thì đói sữa, người lớn gặp phải thì thiếu ăn.

Trong trụ Quý Anh có quả tú, cô thần là có con cái nhu nhược.

Quý Anh Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Anh có Tỷ kiên nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Anh Kiều đoạt Thực nên thường có bệnh.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiều**(Phiên Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thân, còn gọi là thân của Thiên Can, đây là những thân chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thân tàng ẩn, còn gọi là thân của Địa Chi, những thân này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thân lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng (lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho (mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của (ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho (phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thân	Tỷ	Suy	T.Tài		Dưỡng
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đới	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Kỷ	Át	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đới	Mô	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy		Mô	

### Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thân:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thân, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thân.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

**3. Ấn** (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thân, ấn có nghĩa là con dậu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêu** (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của di ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, .... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại diện cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diễm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thấu, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc,



thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chỉ tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T. Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net